

Số: 03/2025/QĐST-LĐ

Hưng Yên, ngày 24 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Khánh Linh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên họp: Ông Đặng Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-LĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2025/QĐST-LĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Phạm Quang N, sinh năm 1981;

Nơi cư trú: thôn 8, xã V, huyện V1, tỉnh T (nay là thôn 8, xã V2, tỉnh H).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Anh Đồng Xuân T1, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: thôn 8, xã V, huyện V1, tỉnh T (nay là thôn 8, xã V2, tỉnh H).

2.2. Công ty TNHH M;

Địa chỉ: Lô 2, khu công nghiệp N1, thành phố T, tỉnh T (nay là Lô 2, khu công nghiệp N1, tỉnh H).

2.3. Bảo hiểm xã hội tỉnh T (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh H);

Địa chỉ: Số 6 H1, phường P, tỉnh H.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, anh Phạm Quang N trình bày:

Tháng 7/2005, do không am hiểu pháp luật nên anh N đã mượn hồ sơ xin việc mang tên anh Đồng Xuân T1 để xin vào làm việc tại Công ty TNHH M, địa

chỉ: Lô 2, khu công nghiệp N1, phường T2, thành phố T, tỉnh T (nay là Lô 2, khu công nghiệp N1, tỉnh H). Công ty TNHH M đã ký hợp đồng lao động với anh N và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Đến tháng 8/2011 thì anh N thôi việc. Thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 thì anh Đồng Xuân T1 làm việc tự do nên không đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh N thực hiện chốt sổ BHXH tại BHXH tỉnh T nhưng không được vì lý do BHXH số 2607001449 của anh N đóng từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 vẫn đang đứng tên anh Đồng Xuân T1. Vì vậy anh N đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký kết giữa Công ty TNHH M và anh Đồng Xuân T1 (thực tế là anh N đã ký kết) là vô hiệu và yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đồng Xuân T1 trình bày:

Tháng 7/2005 do không am hiểu pháp luật nên tôi đã cho anh Phạm Quang N, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn 8, V, V1, tỉnh T mượn hồ sơ xin việc mang tên tôi để xin việc tại Công ty TNHH M. Thực tế người ký kết hợp đồng lao động với Công ty M và làm việc trực tiếp là anh Phạm Quang N. Trong thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011, Công ty M có đóng BHXH theo quy định pháp luật cho anh N. Từ thời gian tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 anh T1 làm việc tự do nên không tham gia đóng BHXH. Nay anh N thực hiện việc chốt sổ BHXH nhưng không được với lý do từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 vẫn đang đứng tên anh T1. Nay anh N có đơn đề nghị Tòa án Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH M và anh Đồng Xuân T1 (thực tế là do anh N ký kết) trong thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 là vô hiệu và yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH M trình bày:

Anh Đồng Xuân T1, sinh năm 1983, nơi cư trú: thôn 8, xã V, huyện V1, tỉnh T có ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011. Đối với Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH M và anh Đồng Xuân T1 trong thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011, do hiện nay người lao động đã nghỉ việc tại công ty, đã vượt quá quy định về thời gian lưu giữ hồ sơ nên hiện tại phía công ty không còn lưu trữ Hợp đồng lao động của công nhân trên để cung cấp cho phía Tòa án theo như yêu cầu. Công ty TNHH M đã đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho anh Đồng Xuân T1 trong thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 đầy đủ và đúng quy định về lao động. Việc anh N mượn căn cước công dân của anh T1 để ký kết hợp đồng lao động với công ty, công ty không biết. Công ty chưa bao giờ ký kết hợp đồng lao động với anh Phạm Quang N. Đối với việc anh Phạm Quang N yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH M và anh Phạm Quang N (mang tên Đồng Xuân T1) trong thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011, Công ty đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh T (nay là Bảo hiểm xã hội tỉnh H) trình bày:

Anh Đồng Xuân T1, sinh ngày 04/10/1983, tại sổ sổ bảo hiểm xã hội 2607001449 có thời gian đóng BHXH, BHYT là 6 năm 1 tháng (từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011) và 2 năm 7 tháng tham gia BHTN (từ tháng 01/2009 đến tháng 07/2011) tại Công ty TNHH M. Tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN đã đóng là 16.675.702 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 12.024.668 đồng, người lao động đóng 4.651.034 đồng (chưa hưởng chế độ BHXH một lần, chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp). Việc anh Phạm Quang N trình bày việc mượn hồ sơ của anh Đồng Xuân T1 để giao kết hợp đồng lao động và đóng BHXH, BHYT, BHTN nay anh N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa anh N (bằng tên anh Đồng Xuân T1) với Công ty TNHH M trong khoảng thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 vô hiệu. Bảo hiểm xã hội đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50, Điều 52 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên: Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Phạm Quang N, tuyên bố Hợp đồng lao động đã ký giữa anh Phạm Quang N (hồ sơ mang tên Đồng Xuân T1) và Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 là vô hiệu. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Anh Phạm Quang N và anh Đồng Xuân T1 có quyền liên hệ với BHXH tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân trên sổ BHXH số 2607001449 từ tên Đồng Xuân T1, sinh ngày 04/10/1983, CCCD số: 034083006820 ngày cấp 07/02/2025, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thành Phạm Quang N, sinh ngày 24/02/1981, CCCD số 034081023669 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/03/2022 để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Về lệ phí: Anh Phạm Quang N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T (nay là TAND khu vực 5 - Hưng Yên) tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh T (nay là tỉnh H). Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, việc yêu

cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

[1.2] Do Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH M và anh Đồng Xuân T1 (do anh Phạm Quang N ký) vào tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 nên áp dụng Bộ luật Lao động năm 1994 để giải quyết. Tuy nhiên Bộ luật Lao động năm 1994 không có điều luật quy định về hợp đồng lao động vô hiệu và hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu, do đó cần áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 và Bộ luật Lao động năm 2019 để giải quyết.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động đã ký kết giữa anh Phạm Quang N (hồ sơ mang tên Đồng Xuân T1) với Công ty TNHH M trong thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 là vô hiệu thì thấy:

Việc anh Phạm Quang N mượn chứng minh nhân dân của anh Đồng Xuân T1 để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2012, khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của anh Phạm Quang N là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[2.2.] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu:

Căn cứ khoản 2 Điều 52 Bộ luật Lao động 2012; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký kết hợp đồng lao động giữa anh Phạm Quang N (hồ sơ mượn tên anh Đồng Xuân T1) với Công ty TNHH M nhưng trên thực tế anh N có làm việc tại công ty, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho anh N (mang tên anh Đồng Xuân T1, số sổ bảo hiểm xã hội là 2607001449). Do vậy cần điều chỉnh tên Đồng Xuân T1 trên Sổ bảo hiểm xã hội số 2607001449 thành Phạm Quang N. Anh Phạm Quang N và anh Đồng Xuân T1 có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin từ Đồng Xuân T1 thành Phạm Quang N để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Về lệ phí: Căn cứ khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Anh Phạm Quang N phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 372 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật

Lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Quang N.
2. Tuyên bố: Hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH M và anh Đồng Xuân T1 (do anh Phạm Quang N ký) trong thời gian từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2011 là vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội 2607001449 từ Đồng Xuân T1, sinh ngày 04/10/1983, căn cước công dân số: 034083006820 ngày cấp 07/02/2025, nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thành Phạm Quang N, sinh ngày 24/02/1981, CCCD số 034081023669 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/03/2022. Anh Đồng Xuân T1 và anh Phạm Quang N có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh H để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Đồng Xuân T1 thành Phạm Quang N.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Phạm Quang N phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000251 ngày 13/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hưng Yên) thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Phạm Quang N; Công ty TNHH M; anh Đồng Xuân T1; Bảo hiểm xã hội tỉnh H có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 - Hưng Yên;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Phạm Khánh Linh